

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 -01-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Gia Văn Tính

2. Bà Phan Tị Mấy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Chứ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị K, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2000

Số CCCD: 0380000072xx, cấp ngày 12/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát.

Ngề nghiệp: Trồng trọt.

Trú tại: Bản Xi Lô, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Cư A C, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2000

Số định danh cá nhân: 0382000078xx

Ngề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Bản Xi Lô, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch cho Nguyên đơn: Anh Tráng A S, sinh năm 1981. Địa chỉ: Bản Suối Phái, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Hồ Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 02/2014, đi đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi về chung sống với nhau và sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung hôn nhân, đã thế anh C không quan tâm đến gia đình, vợ con. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chị đã sống ly thân, chị đã về bên ngoại sinh sống. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ khi sống ly thân, anh C không quan tâm gì đến con cái, chị xét thấy đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống và hôn nhân, anh chị có 03 con chung, tên các cháu là: C S, sinh ngày 11/9/2015; cháu C Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu C Thị L1, sinh ngày 21/10/2020, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 cháu, cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000đ/cháu/tháng (Mỗi tháng là 1.500.000đ cho cả 03 cháu) cho đến khi từng cháu trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2023.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị là người dân tộc thiểu số (H'Mông), sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

Về phía bị đơn C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh để nộp bản tự khai nhưng anh đều vắng mặt, trốn tránh, nên không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/10/2021, cháu C S trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bác anh của bố tại bản Xi Lô, xã Mường Lý, huyện Mường Lát. Hiện tại bố cháu đi làm ăn xa, không quan tâm đến các cháu, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ, vì ở với mẹ sẽ tốt hơn, được mẹ chăm sóc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Cur A C thường xuyên đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà, liên lạc với gia đình và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh, vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn, xét thấy: Vợ chồng chị Hồ Thị K và anh Cur A C chung sống chưa đúng theo quy định của pháp luật (từ tháng 02/2014), đến ngày 18/10/2022 đã đi đăng kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh C không chăm lo cho gia đình, vợ con, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị K và anh Cur A C có 03 con chung, tên các cháu là: Cur A S, sinh ngày 11/9/2015; cháu Cur Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu Cur Thị L1, sinh ngày 21/10/2020, hiện tại các cháu đang ở với mẹ; cháu Cur A S có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, các cháu còn lại chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng và chị Hồ Thị K không bị hạn chế về quyền nuôi con, anh Cur A C đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình con cái. Chị Hồ Thị K yêu cầu anh Cur A C cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng (mỗi cháu 500.000đ/cháu/tháng) cho đến khi từng cháu trưởng thành; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị Hồ Thị K không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Khang.

Về Hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị K ly hôn với anh Cur A C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu: Cur A S, sinh ngày 11/9/2015; cháu Cur Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu Cur Thị L1, sinh

ngày 21/10/2020 cho chị Hồ Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành, không ai được ngăn cấm, cản trở anh Cur A C thăm nom con chung; Buộc anh Cur A C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000đ/cháu/tháng (Mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng cho cả 03 cháu) cho đến khi từng cháu trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2023

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hồ Thị K.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Kiến nghị: Trong thời gian tới, đề nghị các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là xã Mường Lý, cần tuyên truyền sâu rộng Luật Hôn nhân và Gia đình đến đồng bào dân cư, có biện pháp xử lý những trường hợp tảo hôn trên địa bàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Cur A C đang có hộ khẩu thường trú: Bản Xi Lô, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Cur A C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Cur A C đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh Cur A C đã được triệu tập họp lệ (02 lần) để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ 02 lần, nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hồ Thị K là Nguyên đơn; Anh Cur A C là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thì anh C có đi làm ăn tại tỉnh Nam Định và vẫn liên lạc với gia đình, vẫn về nhà thăm bố mẹ, chưa chuyển khẩu và chưa đăng ký tạm trú tạm vắng đi nơi khác và anh đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng anh cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án cũng như việc tham gia phiên tòa. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia các buổi lấy lời khai của nguyên đơn, thông báo tham gia phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chấp hành chưa tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị Hồ Thị K và anh C tự do tìm hiểu, yêu đương, đến chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2020. Đến ngày 08/10/2020 thì đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; gia đoạn đầu anh chị đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình, nhưng thời gian sau không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền xã Mường Lý, huyện Mường Lát xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Hồ Thị K nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hồ Thị K ly hôn với anh C.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị K và anh C có 03 con chung, tên các cháu là: C S, sinh ngày 11/9/2015; cháu C Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu C Thị L1, sinh ngày 21/10/2020 hiện đang ở với chị Hồ Thị K. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đang ở với

chị Hồ Thị K, bản thân cháu Cư A S có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, các cháu còn lại đang còn nhỏ, chị Hồ Thị K không bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con, anh Cư A C lại đi làm xa. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị K, đó là giao cả 03 cháu là: Cư A S, sinh ngày 11/9/2015; cháu Cư Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu Cư Thị L1, sinh ngày 21/10/2020 cho chị Hồ Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành. Anh Cư A C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Chị Hồ Thị K yêu cầu anh Cư A C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000đ/tháng. Xét thấy, chị Hồ Thị K làm nương rẫy, thuộc diện hộ nghèo, anh Cư A C đang là lao động khỏe mạnh và không trực tiếp nuôi con, nên cần phải có trách nhiệm về vật chất cùng chị Hồ Thị K nuôi nấng các con chung của anh chị. Nên HĐXX chấp nhận đề nghị về mức cấp dưỡng mà chị Hồ Thị K đã đề nghị. Buộc anh Cư A C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K, mỗi tháng anh Cư A C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 500.000đ/tháng (Cả 03 cháu là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi từng cháu trưởng thành. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Hồ Thị K và anh Cư A C có quyền làm đơn thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hồ Thị K không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hồ Thị K và anh Cư A C đều là người dân tộc thiểu số “H’Mông”, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, nên HĐXX miễn án phí sơ thẩm cho chị Hồ Thị K và anh Cư A C.

[8] Nhận định khác: Chị Hồ Thị K, sinh ngày 20/10/2000 đến cuối tháng 02/2014 đã chung sống với Cư A C như vợ chồng và đã có quan hệ giao cấu với nhau (lúc này chị Hồ Thị K đã trên 13 tuổi). Đến ngày 11/9/2015 thì chị Hồ Thị K đã sinh con là cháu Cư A S, lúc này chị Hồ Thị K là 14 tuổi 10 tháng 21 ngày, Cư A C là 14 tuổi 11 tháng 22 ngày (Anh Cư A C sinh ngày 19/9/2000). Như vậy, anh Cư A C đã có hành vi giao cấu với chị Hồ Thị K nhiều lần và dẫn đến có thai. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 và Điều 145 Bộ luật hình sự thì anh Cư A C chưa đủ điều kiện về chủ thể và tuổi chịu trách nhiệm hình sự (tức là lúc anh Cư A C giao cấu với chị Hồ Thị K thì anh Chính mới 14 tuổi 11 tháng 22 ngày. Nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Cư A C theo quy định tại 145 Bộ luật Hình sự. Nhưng Cư A C và người thân của Cư A C đã có hành vi vi phạm hành chính về hành vi tảo hôn được quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-Cp ngày 15/7/2020 của Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã”.

[9] Kiến nghị: Đề nghị UBND xã Mường Lý và Công an xã Mường Lý làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; Kiến nghị đến UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát cần phổ biến tuyên truyền pháp luật về hôn nhân gia đình cho người dân, đặc biệt là bộ phận đồng bào là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 điều 107, điều 110, điều 115, điều 116, điều 117, điều 118 và điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị K.

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Hồ Thị K ly hôn với anh Cư A C.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu: Cư A S, sinh ngày 11/9/2015; cháu Cư Thị L, sinh ngày 09/11/2018 và cháu Cư Thị L1, sinh ngày 21/10/2020 cho chị Hồ Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Cư A C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Anh Cư A C có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hồ Thị K cho mỗi cháu là 500.000đ/cháu/tháng (Cả 03 cháu là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi từng cháu trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2023

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Cư A C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi khi có căn cứ của pháp luật. Chị Hồ Thị K và anh Cư A C đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Hồ Thị K không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Hồ Thị K; Miễn án phí cấp dưỡng trong vụ án HNGĐ cho anh Cư A C.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai. Có mặt nguyên đơn và người phiên dịch cho nguyên đơn; Vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

